



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	05		9,0		An	
2	000002	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	05		8,8		Anh	
3	000003	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	05		8,0		Anh	
4	000004	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	05		8,5		Anh	
5	000005	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	05		8,8		Deuanh	
6	000006	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	05		8,8		Anh	
7	000007	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	05		8,5		Anh	
8	000008	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12A	05		8,0		Chi	
9	000009	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	05		7,0		Đạt	
10	000010	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	05		7,5		Diệp	
11	000011	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	05					ĐK
12	000012	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	05		7,0		Dũng	
13	000013	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	05		8,8		Dương	HP
14	000014	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	05		8,0		Giang	
15	000015	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	05		8,0		Hà	HP
16	000016	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	05		8,8		Hằng	HP
17	000017	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	05		8,0		Hào	
18	000018	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	05		7,5		Hiền	
19	000019	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	05		8,0		Hương	HP
20	000020	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	05		8,8		Huyền	
21	000021	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	05		9,0		Huyền	
22	000022	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	05		7,5		Khánh	
23	000023	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	05		8,5		Th	
24	000024	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	05		8,5		Lan	
25	000025	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	05		8,8		Linh	
26	000026	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	05		8,5		Đinh	
27	000027	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	05		8,0		Linh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	05		8,0		Linh	
29	000029	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	05		8,5		Loan	
30	000030	1201020276	Đỗ Thị Khánh	Ly	10/12/2006	KD12A	05		8,5		Ly	HP
31	000031	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	05		9,0		Phac	
32	000032	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	05		8,0		My	
33	000033	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	05		8,0		Nga	
34	000034	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	05		8,8		Ngân	
35	000035	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	05		8,0		Ngoc	
36	000036	1201020333	Khuong Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	05		8,0		nhi	
37	000037	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	05		9,0		Oanh	HP
38	000038	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	05		8,0		Phuong	
39	000039	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	05				Quang	ĐK
40	000040	1201021506	Hoàng Ngọc	Son	17/04/2004	KD12A	05					HP, ĐK
41	000041	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	05		8,0		Thao	
42	000042	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	05		8,0		Ph	HP
43	000043	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	05		9,0		Thao	
44	000044	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	05		8,0		Thu	
45	000045	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	05		8,0		Tha	
46	000046	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	05		8,8		Thuy	
47	000047	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	05		9,0		Trang	
48	000048	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	05		8,0		Trang	
49	000049	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	KD12A	05		8,8		Trang	
50	000050	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	05		9,0		Trang	
51	000051	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	05		8,0		Trang	
52	000052	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	05		8,0		Tuan	
53	000053	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	05		8,8		Van	
54	000054	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	05		7,5		Vui	
55	000055	1201020487	Dur Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	05		8,0		Yen	HP
56	000976	1101021039	Vũ Thị	Thảo	13/01/2005	KD12A	05		9,0		Thao	

Tổng số sinh viên dự thi: ...53..

Tổng số tờ giấy thi:53.

Tổng số biên bản:0...

Ngày 10 tháng 5 năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Linh Chi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000056	1201020051	Dương Huyền	Phương Anh	30/10/2006	KD12B	06		8,9		Anh	
2	000057	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	06		9,0		Anh	
3	000058	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	06		8,8		Anh	
4	000059	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	06		8,7		Anh	
5	000060	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	06		8,8		Chi	
6	000061	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	06				Chi	Vây
7	000062	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	06		8,8		Đức	
8	000063	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	06		9,0		Dung	
9	000064	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	06		8,9		Dũng	
10	000065	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	06		8,8		Dương	
11	000066	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	06		8,8		Dương	
12	000067	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	06		8,8		Giang	
13	000068	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	06		8,5		Hà	
14	000069	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	06		8,7		Hằng	
15	000070	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	06		8,9		Hiền	
16	000071	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	06		8,9		Hoa	
17	000072	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	06		8,8		Hoài	
18	000073	1201021774	Hà Hoàng Quỳnh	Hương	28/06/2006	KD12B	06				HP ĐK	
19	000074	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	06		8,8		Hương	
20	000075	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	06		9,0		Huyền	HP ĐK
21	000076	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	06		8,6		Lan	
22	000077	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	06		8,9		Linh	
23	000078	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	06		9,0		Linh	
24	000079	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	06		8,9		Loan	
25	000080	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	06		8,8		Long	
26	000081	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	06		8,9		Ly	
27	000082	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	06		8,9		My	
28	000083	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	06		9,1		Nga	
29	000084	1201020308	Khuong Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	06		9,0		Ngân	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000085	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	06		8,9		Ngân	
31	000086	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	06		9,0		Nguyệt	
32	000087	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	06		9,0		Nhi	
33	000088	1201021773	Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	06		8,8		Nhung	
34	000089	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	06		8,8		Phường	
35	000090	1201020368	Ngô Ngọc	Quỳnh	03/03/2006	KD12B	06		9,0		Quỳnh	
36	000091	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	06		8,8		Thảo	
37	000092	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	06		9,0		Thảo	
38	000093	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	06		8,7		Thảo	
39	000094	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	06		8,7		Thu	
40	000095	1201021645	Phùng Thị Minh	Thu	24/08/2006	KD12B	06					HP,ĐK
41	000096	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	06		9,0		Thúy	
42	000097	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	06					Vây
43	000098	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	06		8,8		Toán	HP
44	000099	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	06		8,8		Trang	
45	000100	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	06		8,7		Trang	
46	000101	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	06		8,8		Phạm Huyền	
47	000102	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	06		8,8		Tươi	
48	000103	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	06		9,0		Vi	
49	000104	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	06		8,8		Vy	
50	000105	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	06		8,9		Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 46.

Tổng số tờ giấy thi:.....46

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 40 tháng 5 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Tiến Tài

Đỗ Tiến Tài

Phạm Thị Minh Nguyệt

Phạm Thị Minh Nguyệt



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000106	1201020052	Dương Thị Phương	Anh	05/05/2006	KD12C	07		8,5		Anh	
2	000107	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	07		8,0		hệ	
3	000108	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	07		7,0		Quỳnh	HP (Điểm)
4	000109	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	07		8,0		Anh	
5	000110	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	07		8,0		Anh	
6	000111	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	07		8,0		Anh	
7	000112	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	07		7,0		Chi	
8	000113	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	07		8,0		Cúc	
9	000114	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	07		8,0		Đạt	
10	000115	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	07		8,5		Diễm	HP (Điểm)
11	000116	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	07		8,5		Diệu	
12	000117	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	07					ĐK
13	000118	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	07		8,5		Dương	
14	000119	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	07		7,0		Giang	
15	000120	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	07		7,0		Hà	
16	000121	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	07		8,5		Hằng	
17	000122	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	07		7,0		Hiền	
18	000123	1201021770	Nguyễn Văn	Hiệu	19/11/2006	KD12C	07					ĐK
19	000124	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	07					HP
20	000125	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	07		8,5		Hương	
21	000126	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	07		8,5		Huyền	
22	000127	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	07		8,5		Khanh	
23	000128	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	07					HP
24	000129	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	07		8,0		Lam	
25	000130	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	07		8,0		Lan	
26	000131	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	07		5,5		Linh	
27	000132	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	07		5,5		Linh	
28	000133	1201020261	Vũ Thị Thùy	Linh	13/10/2006	KD12C	07					HP-ĐK
29	000134	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	07		6,5		Luân	
30	000135	1201020278	Nguyễn Khánh	Ly	20/11/2006	KD12C	07		8,0		Ly	HP (Điểm)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000136	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	07		6,5		Nga	
32	000137	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	07		7,0		Ngân	
33	000138	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	07		8,0		Ngọc	
34	000139	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	07		8,0		Ngọc	
35	000140	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	07		9,0		Nhài	
36	000141	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	07		9,0		Nhi	
37	000142	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	07		9,0		Nhung	
38	000143	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	07		8,0		Phương	HP (Đang)
39	000144	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	07		9,0		Minh	
40	000145	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	07		7,0		Quỳnh	HP (Đang)
41	000146	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	07		9,0		Tâm	
42	000147	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	07		7,0		Thảo	
43	000148	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	07		8,0		Thư	
44	000149	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	07		8,0		Thùy	
45	000150	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	07		9,0		Trang	
46	000151	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	07		8,0		Trang	
47	000152	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	07		8,0		Trang	
48	000153	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	07		8,0		Trang	
49	000154	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	07		8,0		Trung	
50	000155	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	07		9,0		Uyên	
51	000156	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	07		9,0		Vi	
52	000157	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	07		8,0		Xuân	
53	000158	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	07		9,0		Yến	
54	000159	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	07		9,0		Phát	HP (Đang)

Tổng số sinh viên dự thi:.....49

Tổng số tờ giấy thi:.....49

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 10 tháng 05 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Thị Thu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000160	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	08		7,5		Anh	HP
2	000161	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	08		6,5		Anh	
3	000162	1201020075	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	08		6,0		Anh	HP
4	000163	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	08		8,5		Anh	
5	000164	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	08		7,0		Anh	
6	000165	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	08		7,0		Anh	
7	000166	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	08		8,0		Chi	
8	000167	1201021790	Lê Mạnh	Cường	06/12/2006	KD12D	08		6,0		Cường	
9	000168	1201021477	Phạm Lê	Diễm	23/06/2006	KD12D	08		8,0		Diễm	
10	000169	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	08		8,0		Dung	
11	000170	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	08		8,5		Dương	
12	000171	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	08		7,5		Giang	
13	000172	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	08					HP,DK
14	000173	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	08		8,0		Hân	
15	000174	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	08		6,0		Hạnh	
16	000175	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	08		7,0		Hình	
17	000176	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	08		8,0		Hương	
18	000177	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	08		7,0		Huyền	
19	000178	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	08		8,5		Khanh	
20	000179	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	08		7,0		Khôi	
21	000180	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	08		7,5		Lâm	
22	000181	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	08		7,5		Lan	
23	000182	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	08		8,0		Linh	
24	000183	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	08		8,0		Linh	
25	000184	1201020270	Nguyễn Thị Huyền	Lương	22/08/2006	KD12D	08		7,5		Lương	
26	000185	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	08		7,5		Ly	
27	000186	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	08		8,5		Mẫn	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000187	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	08		7,5		Minh	
29	000188	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	08		8,5		My	
30	000189	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	08		8,0		Ngân	
31	000190	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	08		7,5		Ngọc	
32	000191	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	08		8,0		Nguyên	
33	000192	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	08		7,0		Nhi	
34	000193	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	08		7,0		Nhi	
35	000194	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	08		7,5		Ninh	
36	000195	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	08		7,0		Phương	
37	000196	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	08		7,0		Phu	
38	000197	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	08		7,0		Quỳnh	
39	000198	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	08		7,0		Tân	
40	000199	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	08		7,0		Thảo	
41	000200	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	08		7,5		Thảo	
42	000201	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	08		7,5		Thủy	
43	000202	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	08		7,5		Trà	
44	000203	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	08		7,5		Trang	
45	000204	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	08		8,0		Trang	
46	000205	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	08		7,5		Thu	
47	000206	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	08		7,5		Trang	
48	000207	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	08		8,0		Trang	
49	000208	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	08		7,5		Uyên	
50	000209	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	08		7,0		Vĩ	HP đã nộp
51	000210	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	08		7,5		Y	
52	000211	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	08		7,0		Yến	

Tổng số sinh viên dự thi:....51..

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 10 tháng 5 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Ng. Thị Hồng Thủy

Trình T. H. Thái



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000212	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	09		7,8		Anh	HP đã nộp
2	000213	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	09		8,8		Anh	
3	000214	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	09		8,7		Anh	
4	000215	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	09		8,3		Anh	
5	000216	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	09		9,0		Anh	
6	000217	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	09		8,3		Chi	
7	000218	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	09		8,3		C	
8	000219	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	09		7,8		Diễm	
9	000220	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	09		8,0		Diệp	
10	000221	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	09		9,0		Dịu	
11	000222	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	09		7,8		L	
12	000223	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	09		7,8		Vũ Thùy	
13	000224	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	09		8,3		H	
14	000225	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	09		8,3		Hà	
15	000226	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	09		8,2		N	
16	000227	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	09		8,3		Hạnh	HP đã nộp
17	000228	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	09		7,8		Đ	
18	000229	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	09		8,8		Hoa	
19	000230	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	09		7,8		N	HP đã nộp
20	000231	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	09		8,5		N	
21	000232	1201020200	Nguyễn Khánh	Hương	28/12/2006	KD12E	09		9,1		Hương	HP đã nộp
22	000233	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	09		7,8		N	
23	000234	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	09		8,8		Khánh	
24	000235	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	09		9,1		Khuê	
25	000236	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	09		8,8		N	
26	000237	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	09		8,3		Vũ Thị Kim	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chí chú
27	000238	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	09		9,0		Linh	
28	000239	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	09		7,8		Loan	
29	000240	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	09		8,5		Luyến	
30	000241	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	09		9,0		Mai	
31	000242	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	09		8,8		Mai	
32	000243	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	09		8,5		Minh	
33	000244	1201021707	Đỗ Thị	Na	03/12/2006	KD12E	09		7,8		Na	
34	000245	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	09		8,5		Ngát	HP
35	000246	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	09		7,8		Ngọc	
36	000247	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	09		7,8		Nguyễn	
37	000248	1201021813	Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	09		8,8		Nhi	
38	000249	1201020341	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	09		8,5		Nhi	
39	000250	1201020343	Nguyễn Thị Huyền	Như	03/02/2006	KD12E	09					Vắng
40	000251	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	09		8,8		Ninh	
41	000252	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	09		8,3		Phuong	
42	000253	1201021666	Trần Thị Minh	Phương	03/12/2006	KD12E	09		8,3		Phuong	
43	000254	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	09		7,8		Quỳnh	
44	000255	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	09		7,8		Thanh	
45	000256	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	09		7,8		Thảo	
46	000257	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	09		7,8		Thư	
47	000258	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	09		7,8		Thủy	
48	000259	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	09		9,1		Trâm	
49	000260	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	KD12E	09		8,5		Trang	HP
50	000261	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	09		8,5		Trang	
51	000262	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	09		8,3		Trang	HP
52	000263	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	09		8,3		Trang	
53	000264	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	09		8,0		Tú	
54	000265	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	09		8,5		Vân	
55	000266	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	09		8,5		Việt	

Tổng số sinh viên dự thi:....54.

Tổng số tờ giấy thi:.....54

Tổng số biên bản:.....0

Ngày .10 tháng .5 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Nhac

Nguyễn Thị Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000267	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	10		9,2		Anh	
2	000268	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	10		8,0		3	
3	000269	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	10		8,2		Anh	
4	000270	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	10		9,2		Anh	
5	000271	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	10		8,6		Anh	
6	000272	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	10		8,6		Anh	
7	000273	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	10		8,6		Chi	
8	000274	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	10		9,0		Đào	HP Đản nộp
9	000275	1201020114	Hoàng Thị	Điểm	10/01/2005	KD12G	10		9,2		Điểm	
10	000276	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	10		9,0		Dịu	
11	000277	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	10		8,0		Dũng	HP Đản nộp
12	000278	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	10		8,8		Dương	
13	000279	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	10		9,1		Duy	HP Đản nộp
14	000280	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	10		9,0		Hà	
15	000281	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	10		8,3		Hải	
16	000282	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	10		8,2		Hân	
17	000283	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	10		9,0		Hạnh	
18	000284	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	10		8,5		Hiền	
19	000285	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	10		9,2		Hiền	
20	000286	1201020176	Đoàn Thị Phương	Hoa	30/10/2006	KD12G	10		8,3		Hoa	
21	000287	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	10		9,0		Huế	
22	000288	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	10		9,2		Hương	
23	000289	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	10		8,0		Huy	
24	000290	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	10		8,6		Huyền	
25	000291	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	10		8,5		Khánh	
26	000292	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	10		7,8		Kiên	
27	000293	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	10		8,4		Lan	
28	000294	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	10		9,0		Linh	HP Đản nộp
29	000295	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	10		9,2		Linh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000296	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	10		9,0		loan	
31	000297	1201020274	Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	10		8,4		ly	
32	000298	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	10		8,2		Mai	
33	000299	1201020295	Nguyễn Tiến	Minh	23/10/2006	KD12G	10		8,0		Minh	
34	000300	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	10		8,2		Nam	
35	000301	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	10		8,0		Ngân	HP
36	000302	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	10		8,2		Nghiêm	Đa' nộp
37	000303	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	10		9,0		Nhi	
38	000304	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	10		8,5		Như	
39	000305	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	10		8,6		Oanh	
40	000306	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	10		8,3		Phường	
41	000307	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	10		9,0		Phượng	
42	000308	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	10		8,3		Quỳnh	
43	000309	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	10		8,6		Thảo	
44	000310	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	10		8,2		Thảo	HP
45	000311	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	10		9,0		Thảo	HP
46	000312	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	10		8,8		Thư	Đa' nộp
47	000313	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	10		9,0		Thủy	
48	000314	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	10		8,8		Trâm	
49	000315	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	10		8,3		Trang	
50	000316	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	10		9,0		Trang	
51	000317	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	10		8,2		Trang	HP
52	000318	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	10		7,8		Trung	Đa' nộp
53	000319	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	10		8,4		Tuấn	
54	000320	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	10		8,8		Vân	HP
55	000321	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	10		8,4		Vũ	Đa' nộp

Tổng số sinh viên dự thi:...55...

Tổng số tờ giấy thi:.....35 (55)

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 10. tháng 5. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thủy Đỗ Thị Nhài



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000322	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	11		7,7		Anh	
2	000323	1201030703	Hồ Vũ Văn	Anh	31/10/2006	QT12A	11		7,8		Anh	
3	000324	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	11		8,9		Anh	HP đã nộp
4	000325	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	11					HP vắng
5	000326	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	11		7,9		Anh	
6	000327	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	QT12A	11		8,1		Anh	
7	000328	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	11		7,0		Anh	
8	000329	1201031538	Quân Văn	Anh	04/05/2006	QT12A	11					HP ĐK
9	000330	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	11		7,8		Bách	
10	000331	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	11		7,8		Chi	
11	000332	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	11		8,8		Cương	
12	000333	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	11		7,9		Đạt	
13	000334	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	11		8,7		Diệp	
14	000335	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	11		8,8		Đức	
15	000336	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	11					ĐK
16	000337	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	11		8,7		Dương	
17	000338	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	11		7,7		Duy	
18	000339	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	11		8,7		Duyên	
19	000340	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	11		8,8		Hà	
20	000341	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn Hải		11/01/2003	QT12A	11		9,0		Hải	
21	000342	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	11		7,5		Hạnh	
22	000343	1201031733	Bùi Đặng Minh	Hiền	08/10/2006	QT12A	11					ĐK
23	000344	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	11		8,7		Hoa	
24	000345	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	11		8,5		Hoài	
25	000346	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	11		8,5		Hồng	
26	000347	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	11		8,9		Hùng	
27	000348	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	11		8,7		Hường	
28	000349	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	11		7,5		Khánh	HP đã nộp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000350	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	11		7,8		Phách	HP
30	000351	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	11		7,8		Khoa	
31	000352	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	11		8,8		Linh	
32	000353	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	11		8,2		Thùy	
33	000354	1201030928	Phạm Khánh	Linh	22/06/2006	QT12A	11					ĐK
34	000355	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	11		8,0		Thùy	
35	000356	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	11		8,2		Long	
36	000357	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	11		7,8		Mai	
37	000358	1201030965	Nguyễn Hoàng Anh Minh		03/07/2006	QT12A	11					ĐK
38	000359	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	11		8,8		Minh	
39	000360	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	11		8,8		Minh	
40	000361	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	11		6,0		Nam	Đã nộp
41	000362	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	11		8,2		Ngọc	Đã nộp
42		1201030998	Lê Hoàng Hồng	Ngọc	03/02/2006	QT12A	11					
43	000363	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	11		8,8		Như	
44	000364	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	11		8,5		Phương	
45	000365	1201031794	Nguyễn Thị Vãn	Phương	11/06/2005	QT12A	11		8,6		Phương	
46		1201031030	Đỗ Minh	Quân	12/04/2006	QT12A	11					
47	000366	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	03/11/2005	QT12A	11		7,5		Quỳnh	
48	000367	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	11		8,6		Sang	
49	000368	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	11		8,8		Thành	
50	000369	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	11		8,5		Thảo	
51	000370	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	11		8,0		Thoa	
52	000371	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	11		8,5		Thúy	
53		1201031090	Đỗ Thị	Trang	22/09/2006	QT12A	11					
54	000372	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	11		8,0		Trang	
55	000373	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	11		8,0		Trang	
56	000374	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	11		8,5		Triệu	
57	000375	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	11		8,3		Tuấn	
58	000376	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	11		8,6		Uyên	
59	000377	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	11		7,5		Vũ	

Tổng số sinh viên dự thi: 50...

Tổng số tờ giấy thi: 50.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 10 tháng 5 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Minh Kiều Vũ Thị Thắng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000378	1201030701	Đoàn Vy	Anh	25/10/2006	QT12B	12					DK
2	000379	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	12		7,0		Anh	
3	000380	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	12		6,5		Đức	
4	000381	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	12		7,5		Anh	
5	000382	1201030723	Nguyễn Quang	Anh	21/06/2006	QT12B	12					HP
6	000383	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	12		8,0		Anh	
7	000384	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	12		8,0		Băng	
8	000385	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	12		5,0		Cường	HP đã nộp
9	000386	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	12		6,0		Đức	
10	000387	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	12		7,5		Dung	
11	000388	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	12		8,5		Dương	
12	000389	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	12		8,0		Duy	
13	000390	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	12		7,5		giang	
14	000391	1201031662	Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	12					DK
15	000392	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	12		8,5		Hằng	
16	000393	1201030828	Nguyễn Thị	Hiền	16/12/2006	QT12B	12		5,5		Hiền	
17	000394	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	12		5,0		Hiếu	HP đã nộp
18	000395	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	12		6,5		Hoa	
19	000396	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	12		6,0		Hoài	
20	000397	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	12		5,5		Huân	
21	000398	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	12		6,5		Huệ	đã nộp
22	000399	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	12		5,0		Hùng	
23	000400	1201031650	Nguyễn Trung	Hưng	18/10/2006	QT12B	12		7,0		Hưng	
24	000401	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	12		7,0		Huy	
25	000402	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	12		7,5		khánh	
26	000403	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	12		7,5		Khánh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
27	000404	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	12		7,5		Kiên	
28	000405	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	12		5,0		Linh	
29	000406	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	12		5,5		Linh	
30	000407	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	12		7,5		Linh	
31	000408	1201030934	Tô Thị Yến	Linh	25/12/2006	QT12B	12		6,0		Linh	
32	000409	1201030944	Nhữ Ngọc	Long	26/03/2006	QT12B	12					DK
33	000410	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	12		7,0		Luân	
34	000411	1201030956	Đào Đức	Mạnh	28/06/2006	QT12B	12		5,0		Mạnh	
35	000412	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	12		6,0		Minh	
36	000413	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	12		8,5		My	
37	000414	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	12		6,5		Năng	
38	000415	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	12		8,0		Ngọc	HP✓
39	000416	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	12		7,0		Nguyệt	
40	000417	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	12		5,5		Nhung	
41	000418	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	12		7,0		Quyên	
42	000419	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	12		7,0		Thái	
43	000420	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	12		5,0		Thảo	
44	000421	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	QT12B	12		6,5		Thảo	
45	000422	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	12		5,0		Thu	
46	000423	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	12		5,5		Trà	
47	000424	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	12		8,0		Trang	
48	000425	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	12		5,5		Trang	HP đã nộp
49	000426	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	12		5,0		Triệu	
50	000427	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	12		6,0		Tuyên	
51	000428	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	12		6,0		Uyên	
52	000429	1201031150	Lê Ngọc	Yến	31/01/2006	QT12B	12		6,0		Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 48..

Tổng số tờ giấy thi: 48..

Tổng số biên bản: 0..

Ngày 10 tháng 5 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Thái
Trịnh T. H. Thái

Thủy
Ng Thị Kỳ Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000430	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	03		8,0		Anh	
2	000431	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	03		9,0		Anh	
3	000432	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	03		8,0		Anh	
4	000433	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	03		8,0		Anh	
5	000434	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	03		8,0		Anh	
6	000435	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	03		8,5		Anh	
7	000436	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	03		8,0		Anh	
8	000437	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	03		8,0		Anh	HP ĐK
9	000438	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	03		8,0		Anh	
10	000439	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	03		8,5		Chiến	
11	000440	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	03		6,5		Đạt	
12	000441	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	03		6,5		Đạt	
13	000442	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	03		6,5		Dũng	
14	000443	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	03		8,0		Duyên	
15	000444	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	03		7,5		Hải	
16	000445	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	03		7,0		Hằng	HP ĐK
17	000446	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	03					HP ĐK
18	000447	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	NH12A	03		6,5		Hoàng	
19	000448	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	03		6,5		Hùng	
20	000449	1201011274	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/12/2006	NH12A	03		8,0		Hương	
21	000450	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	03		7,5		Huy	
22	000451	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	03		6,0		Huy	
23	000452	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	03		5,5		Huyền	
24	000453	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	03		7,5		Khánh	
25	000454	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	03		6,0		Lan	
26	000455	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	03		6,0		Linh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
27	000456	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	03		6,0		Linh	
28	000457	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	03		6,0		Linh	
29	000458	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	03		6,0		Kh	
30	000459	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	03		6,0		Kh	
31	000460	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	03		7,5		minh	
32	000461	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	03		7,5		My	
33	000462	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	03		8,5		Nam	
34	000463	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	03		8,0		Ngân	
35	000464	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	03		7,5		Nguyên	
36	000465	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	03		7,5		Oanh	
37	000466	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	03		7,0		Ph	
38	000467	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	03		7,5		Ph	
39	000468	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	03		7,5		Ph	
40	000469	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	03		8,0		Quỳnh	
41	000470	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	03		7,5		Son	
42	000471	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	03		6,5		Thông	
43	000472	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	03		6,5		Thư	
44	000473	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	03		7,0		Trà	
45	000474	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	03		6,5		Tú	
46	000475	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	03		6,5		Tuấn	HP DR
47	000476	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	03		6,0		Uy	
48	000477	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yên	23/03/2006	NH12A	03		7,5		Yên	

Tổng số sinh viên dự thi:....47.

Tổng số tờ giấy thi:....47.

Tổng số biên bản:.....

Ngày 10 tháng 05 Năm ...2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Thư
Nguyễn Thị Thư là
Nguyễn Thị Thư là



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000478	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	04		7,0		QA	
2	000479	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	04					HP.DK
3	000480	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	04					HP.DK
4	000481	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	04					HP.DK
5	000482	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	04		7,0		AN	
6	000483	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	04		7,5		Anh	
7	000484	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	04					HP.DK
8	000485	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	04		7,5		Chinh	
9	000486	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	04		7,0		Đạt	
10	000487	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	04		7,0			
11	000488	1201011214	Phạm Trung	Dũng	04/09/2006	NH12B	04					DK
12	000489	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	04					HP.DK
13	000490	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	04		7,0		Hân	
14	000491	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	04		7,0		Hiền	
15	000492	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	04		7,5			
16	000493	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	04		7,5		Hiếu	
17	000494	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	04		6,0		Hue	HP
18	000495	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	04		7,0		Huệ	
19	000496	1201011273	Nguyễn Đức	Hung	18/01/2006	NH12B	04		7,5		Hung	
20	000497	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	04		8,0			
21	000498	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	04		7,5		Thuy	
22	000499	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	04		7,5		Huy	
23	000500	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	04		7,5		Thuy	
24	000501	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	04		7,5		Khoa	
25	000502	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	04		7,5		Liêm	HP
26	000503	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	04		7,5		Linh	
27	000504	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	04		8,0		Linh	
28	000505	1201011312	Phạm Hồng	Linh	28/09/2006	NH12B	04		8,0		Thuy	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000506	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	04		8,0		Kính	
30	000507	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	04		7,5	Ly	Ly	
31	000508	1201010960	Trần Đăng	Mạnh	30/05/2006	NH12B	04				Mạnh	DK
32	000509	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	04		7,5	My	My	
33	000510	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	04		7,5		My	
34	000511	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	04		7,5		Nam	HP
35	000512	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	04		7,5		Ngọc	
36	000513	1201011594	Lò Hoàng Khánh	Nhi	28/05/2006	NH12B	04		7,5		Nhi	
37	000514	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	04		7,5		Phúc	
38	000515	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	04		7,5		Phúc	
39	000516	1201011379	Đào Minh	Phuong	13/02/2006	NH12B	04		8,0		Phuong	
40	000517	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	04		7,0		Quân	
41	000518	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	04		7,0		Son	
42	000519	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	04		7,0		Son	HP
43	000520	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	04		7,0		Thắng	
44	000521	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	04		7,0		Thư	HP
45	000522	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	04		7,0		Trang	
46	000523	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	04		7,0		Tuấn	
47	000524	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	04		7,0		Tuấn	
48	000525	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	04		7,0		Việt	
49	000526	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	04		7,5		Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 42..

Tổng số tờ giấy thi: 42..

Tổng số biên bản: 0..

Ngày 10 tháng 5.. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Linh Chi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000527	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	13		8,5		Anh	
2	000528	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	13		8,0		Anh	
3	000529	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	13		7,5		Anh	
4	000530	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	13		7,5		Anh	
5	000531	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	13					HP, ĐK
6	000532	1201030734	Quản Văn	Anh	10/07/2006	QT12C	13		8,5		Anh	
7	000533	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	13		7,5		Anh	
8	000534	1201031769	Nguyễn Đức	Cảnh	13/03/2006	QT12C	13					HP, ĐK
9	000535	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	QT12C	13		8,0		Biên	
10	000536	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	13		7,5		Đặng	
11	000537	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	13		8,0		Đạt	
12	000538	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	13		7,0		Đức	
13	000539	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	13		8,0		Dung	
14	000540	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	13		7,0		Dương	
15	000541	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	13		7,5		Dương	
16	000542	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	13		7,5		Duy	
17	000543	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	13		8,5		Hà	HP (đã nộp)
18	000544	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	13		7,0		Hải	HP
19	000545	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	13		8,0		Hằng	
20	000546	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	13					ĐK
21	000547	1201031553	Bé Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	13		8,5		Hoài	
22	000548	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	13					HP
23	000549	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	13		7,0			
24	000550	1201030860	Đỗ Duy	Hung	29/09/2006	QT12C	13		7,5		Hung	HP (đã nộp)
25	000551	1201031660	Nguyễn Văn	Hung	05/12/2006	QT12C	13		7,5		Hung	
26	000552	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	13		7,0		Huyền	HP (đã nộp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
27	000553	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	13		7,0		Phách	
28	000554	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	13		7,0		Chào	
29	000555	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	13					HP.ĐK
30	000556	1201030904	Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	13					ĐK
31	000557	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	QT12C	13		8,5		Linh	
32	000558	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	13		9,0		Linh	
33	000559	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	13		8,5		Linh	
34	000560	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	QT12C	13		9,0		Linh	
35	000561	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	13		7,5		Long	
36	000562	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	13		8,0		Ly	
37	000563	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	13		7,5		Mạnh	
38	000564	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	13		7,5		Minh	HP (Đã nộp)
39	000565	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	13		8,5		My	
40	000566	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	QT12C	13		9,0		Ngọc	
41	000567	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	13		9,0		Ngọc	
42	000568	1201031007	Phạm Thị Yến	Nhi	03/09/2006	QT12C	13		8,0		Nhi	HP (Đã nộp)
43	000569	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	13		7,5		Quân	
44	000570	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	13		8,5		Quỳnh	
45	000571	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	13					HP.ĐK
46	000572	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	13		8,0		Thảo	
47	000573	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	13		7,5		Thọ	
48	000574	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	13		6,0		Trang	
49	000575	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	13		8,5		Trang	
50	000576	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	13		7,0		Trang.	
51	000577	1201031109	Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	13		8,0		Trang	
52	000578	1201031121	Phạm Đắc Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	13		7,5		Tuấn	
53	000579	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	13		7,5		Ước	
54	000580	1201031579	Hoàng Danh	Việt	16/11/2000	QT12C	13					HP.ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 47
 Tổng số tờ giấy thi: 47
 Tổng số biên bản: 0

Ngày 11. tháng 5. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hằng Thủy

Nguyễn Thị Thu Ly



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000581	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	14		9,0			
2	000582	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	14					ĐK
3	000583	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	14		8,0			
4	000584	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	14		9,0		ANH	
5	000585	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	14		9,0		ANG	
6	000586	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	14		8,0		Anh	
7	000587	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	14		9,0			
8	000588	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	14		8,5		Cao	
9	000589	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	14		8,0		Châu	
10	000590	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	14		9,0		Cương	
11	000591	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	14		9,0			
12	000592	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	14		7,5		Đức	
13	000593	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	14		8,5			
14	000594	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	14		8,5		Duyên	
15	000595	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	14					ĐK
16	000596	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	14		9,0			
17	000597	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	14		7,0			
18	000598	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	14		8,5		Hiếu	
19	000599	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	14		9,0			
20	000600	1201030859	Đinh Văn	Hưng	14/04/2006	QM12A	14		9,0			
21	000601	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	14		9,0		Hương	
22	000602	1201030883	Phạm Nam	Khánh	25/08/2006	QM12A	14					HP,ĐK
23	000603	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	14		8,5		Liên	
24	000604	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	14		9,0		Linh	
25	000605	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	14		8,5		linh	
26	000606	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	14		9,0		Linh	
27	000607	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	14		8,5		Linh	
28	000608	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	14		7,0		Long	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000609	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	14					ĐK
30	000610	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	14		9,0		Ly	
31	000611	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuy	Mai	05/08/2006	QM12A	14		8,5		Mai	
32	000612	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	14		9,0		Minh	
33	000613	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	14		8,5		Minh	
34	000614	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	14		8,0		Trà	
35	000615	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	14		7,5		Ngân	
36	000616	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	14		8,5		ngọc	
37	000617	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	14		7,5		Nguyệt	
38	000618	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	14		8,0		Oanh	
39	000619	1201031019	Dương Thị Hà	Phương	12/09/2006	QM12A	14		7,5		Phương	
40	000620	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	14		9,0		Phương	
41	000621	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	14		7,5		Quyên	
42	000622	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	14		7,5		Son	
43	000623	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	14		8,0		Thái	
44	000624	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	14		7,5		Thảo	
45	000625	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	14		7,0		Thảo	
46	000626	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	14		7,5		Thu	
47	000627	1201031078	Đỗ Thị	Thủy	29/10/2006	QM12A	14		7,5		Thủy	HP đã nộp
48	000628	1201031080	Hoàng Thị Thanh	Thúy	02/01/2006	QM12A	14		8,0		Thúy	
49	000629	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	14		7,5		Thùy	
50	000630	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	14		9,0		Trà	
51	000631	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	14		8,5		Trang	
52	000632	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	14		8,0		Trinh	
53	000633	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	14		9,0		Tú	
54	000634	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	14		7,5		Tùng	
55	000635	1201031134	Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	14					ĐK
56	000636	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	14		8,0		Vĩ	
57	000637	1201031816	Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	14		7,5		Vinh	HP đã nộp

Tổng số sinh viên dự thi: 52.....

Tổng số tờ giấy thi: 52.....

Tổng số biên bản: 1.....

Ngày 10... tháng 05 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần T.H. Thuận

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000638	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	15		8,8		Anh	
2	000639	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	15		8,3		Anh	
3	000640	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	15		8,7		Anh	
4	000641	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	15		8,3		Anh	
5	000642	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	15		8,6		Anh	
6	000643	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	15		8,3		Anh	
7	000644	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	15		8,3		Châm	
8	000645	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	15		8,3		Chiều	
9	000646	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	15		8,8		Dương	
10	000647	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	15		8,3		Dương	
11	000648	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	15		8,8		Giang	
12	000649	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	15		7,5		Hà	
13	000650	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	15		8,5		Hào	
14	000651	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	15		8,5		Hiên	
15	000652	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	15		8,3		Hiếu	
16	000653	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	15		7,5		Hùng	
17	000654	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	15		8,8		Huyền	HP
18	000655	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	15		8,0		VKiên	
19	000656	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	15					HP,ĐK
20	000657	1201030905	Đinh Nguyễn Hải	Linh	19/03/2006	QM12B	15					HP,ĐK
21	000658	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	15		8,9		Linh	HP
22	000659	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	15		8,5		Linh	
23	000660	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	15		8,5		Linh	
24	000661	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	15					HP
25	000662	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	15		8,3		Linh	
26	000663	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	15		8,0		Linh	
27	000664	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	15		8,5		Long	
28	000665	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	15					HP,ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000666	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	15		8,0		Mai	
30	000667	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	15		8,3		Minh	
31	000668	1201031747	Bùi Thị Quỳnh	Nga	03/01/2006	QM12B	15		8,7		Sao	
32	000669	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	15		8,5		Ngoan	
33	000670	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	15		8,7		✓	
34	000671	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	15		8,0		Canh	
35	000672	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	15		8,9		Phúc	
36	000673	1201031020	Lê Thị Thu	Phương	29/10/2006	QM12B	15		8,8		Phường	
37	000674	1201031027	Dinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	15					HP,ĐK
38	000675	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	15		8,3		Quang	
39	000676	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	15		8,3		Sang	
40	000677	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	15		8,7		Son	
41	000678	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	15					Vết
42	000679	1201031055	Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	15					ĐK
43	000680	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	15		8,4		Thuy	
44	000681	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	15		7,5		Thủy	
45	000682	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	15		8,5		Thuy	
46	000683	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	15					HP,ĐK
47	000684	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	15		8,4		Trang	
48	000685	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	15		8,4		Trang	HP
49	000686	1201031575	Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	15		8,5		Trinh	
50	000687	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	15		8,5		✓	
51	000688	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyền	06/08/2006	QM12B	15		8,3		Tuyền	

Tổng số sinh viên dự thi:...43..

Tổng số tờ giấy thi:....43..

Tổng số biên bản:.....0..

Ngày 11. tháng 5. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Tiến Tài Phạm Linh Chi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000689	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	01		8,8		Anh	
2	000690	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	01		8,8		Anh	HR Đính
3	000691	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	01		8,9		P.Anh	
4	000692	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	01		9,0		Anh	
5	000693	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	01		8,7		Anh	
6	000694	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	01		9,3		Q.Anh	
7	000695	1201011180	Phan Lan	Anh	10/08/2006	TC12A	01		8,9		L.Anh	HR Đính
8	000696	1201011184	Trần Thị Trâm	Anh	01/05/2006	TC12A	01					ĐK
9	000697	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	01		8,8		Anh	
10	000698	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	01		8,8		Chi	
11	000699	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	01		8,3		Sat	
12	000700	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	01		8,4		Dung	
13	000701	1201011218	Trần Thuý	Dương	09/05/2006	TC12A	01		8,0		Dương	
14	000702	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	01		7,8		Duy	
15	000703	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	01		8,5		Duyên	
16	000704	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	01		8,0		Hà	HR Đính
17	000705	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	01		8,4		Hà	HR Đính
18	000706	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	01		6,5		Hằng	
19	000707	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	01		6,5		Hiếu	
20	000708	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	01					Nghị thi
21	000709	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	01		7,8		Hoài	
22	000710	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	01		8,0		Huệ	
23	000711	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	01		8,3		Huy	
24	000712	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	01		8,5		Lan	
25	000713	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	01		8,8		Linh	HR Đính
26	000714	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	01		8,5		Linh	HR Đính
27	000715	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	01		9,0		Thinh	HR Đính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000716	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	01		8,7		linh	
29	000717	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	01		8,5		Mai	HP đã nộp
30	000718	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	01		8,5		Mai	
31	000719	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	01		8,5		Minh	
32	000720	1201011334	Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	01		8,5		Minh	
33	000721	1201011342	Nguyễn Trà	My	08/05/2006	TC12A	01					HP, ĐK
34	000722	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	01		7,8		Ngân	
35	000723	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	01		7,5		Ngọc	
36	000724	1201011358	Dư Thị Thảo	Nguyễn	17/01/2006	TC12A	01		7,8		Nguyễn	
37	000725	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	01		7,0		Nhi	
38	000726	1201011365	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18/02/2006	TC12A	01					ĐK
39	000727	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	01		7,8		Nhung	
40	000728	1201011371	Nguyễn Huy	Phong	21/05/2006	TC12A	01					HP, ĐK
41	000729	1201011380	Hoàng Lan	Phuong	13/08/2006	TC12A	01		7,0		Phuong	
42	000730	1201011382	Nguyễn Nam	Phuong	01/10/2006	TC12A	01		8,6		Phuong	
43	000731	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyên	11/10/2006	TC12A	01		7,8		Quyên	
44	000732	1201011397	Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	01		7,5		Son	
45	000733	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	01		8,5		Tâm	
46	000734	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	01		8,8		Tâm	
47	000735	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	01		8,9		Thảo	
48	000736	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	01		9,0		Thảo	
49	000737	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	01		9,0		Thọ	HP
50	000738	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	01		8,6		Thư	HP đã nộp
51	000739	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	01		8,5		Thùy	
52	000740	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	01		8,9		Trâm	
53	000741	1201011437	Đỗ Hà	Trinh	04/11/2006	TC12A	01		8,7		Trinh	
54	000742	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	01		9,0		Tú	
55	000743	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	01		8,5		Tùng	HP đã nộp

Tổng số sinh viên dự thi:.....51

Tổng số tờ giấy thi:.....51

Tổng số biên bản:.....

Ngày 11. tháng 5 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

1201011303 Nguyễn Hà Linh 25/09/2006 TC12A

Bùi T. Minh Phương

Vũ Thị Thặng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000744	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	02		8,3		Anh	
2	000745	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	02		8,3		P.Anh	
3	000746	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	02		8,5		Anh	
4	000747	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	02		8,0		Anh	
5	000748	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	02		8,0		Anh	
6	000749	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	02		8,5		AB	
7	000750	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	02		8,0		Bảo	HP Đản nộp
8	000751	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	02		8,0		Đạt	
9	000752	1201011212	Lưu Mạnh	Dũng	20/03/2006	TC12B	02		7,5		Dũng	HP Đản nộp
10	000753	1201011673	Vũ Trần Quang	Dương	12/08/2006	TC12B	02					HP,ĐK
11	000754	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	02		7,5		Duy	
12	000755	1201011227	Doãn Thị	Hà	20/05/2006	TC12B	02		8,0		Hà	HP Đản nộp
13	000756	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	02		7,5		Hà	
14	000757	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	02		7,5		Hải	
15	000758	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	02		8,0		Hạnh	
16	000759	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	02		8,3		Hiền	
17	000760	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	02		8,5		Hiếu	
18	000761	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	02		8,0		Hoa	HP Đản nộp
19	000762	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	02		7,5		Hoàng	HP Đản nộp
20	000763	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	02		8,5		Chau	
21	000764	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	02		8,0		Huyền	
22	000765	1201011284	Lê Duy	Khánh	06/08/2006	TC12B	02					HP,ĐK
23	000766	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	02		7,5		Khánh	HP Đản nộp
24	000767	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	02		8,4		Sak	
25	000768	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	02		8,3		Linh	
26	000769	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	02		8,5		Quang	
27	000770	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	02		8,0		Phuot	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000771	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	02		8,4		Linh	
29	000772	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	02		8,0		Linh	
30	000773	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	02		7,5		Long	
31	000774	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	02		8,5		Mai	
32	000775	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	02		8,5		Minh	
33	000776	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	02		8,0		Minh	
34	000777	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	02		8,4		Thơng	HP Đã nộp
35	000778	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	02		8,4		Ngọc	
36	000779	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	02		8,4		Hồng	
37	000780	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyên	30/01/2006	TC12B	02		8,0		Nguyên	
38	000781	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	02		8,0		Nhi	
39	000782	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	02		8,0		Lan	
40	000783	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	02		8,2		Nhung	
41	000784	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	02		8,4		Phong	
42	000785	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	02		8,3		Phú	
43	000786	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	02		8,4		Phương	
44	000787	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	02		8,2		Phương	HP Đã nộp
45	000788	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	02		7,5		Quang	
46	000789	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	02		8,5		Quyết	
47	000790	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	02		8,2		Tâm	
48	000791	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	02		7,5		Tâm	
49	000792	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	02		8,0		Thanh	
50	000793	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	02		8,5		Thảo	
51	000794	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	02		8,0		Thảo	
52	000795	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	02		8,0		Thuận	
53	000796	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	02		8,4		Trà	
54	000797	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	02		8,0		Trường	
55	000798	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	02		8,0		Tú	
56	000799	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	02		8,0		Vy	

Tổng số sinh viên dự thi:.....5.4

Tổng số tờ giấy thi:.....5.4

Tổng số biên bản:.....2.2

Ngày 14. tháng 5. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Thanh Nguyễn Thị Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000800	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	16		5,5		Duy Anh	HP
2	000801	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	16		8,2		Ánh	
3	000802	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	16		8,2		Ánh	
4	000803	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	CT12A	16		8,2		Bình	
5	000804	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	16		7,8		Định	
6	000805	1201041784	Nguyễn Minh	Đức	28/01/2006	CT12A	16		8,2		Đức	
7	000806	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	16		8,0		Giang	
8	000807	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	16		8,5		Hạnh	
9	000808	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	16		8,2		Huệ	
10	000809	1201040021	Đặng Duy	Hưng	07/10/2006	CT12A	16		8,0		Hưng	
11	000810	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	16		7,8		Huy	
12	000811	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	16		8,0		Huy	
13	000812	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	16		8,2		Huyền	
14	000813	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	16		7,8		Khánh	
15	000814	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	16		8,2		Linh	
16	000815	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	16		7,8		Linh	
17	000816	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	16		7,8		Linh	
18	000817	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	16		7,8		Long	HP
19	000818	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	16		5,5		Minh	Đã nộp
20	000819	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	16		5,5		Phong	
21	000820	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	16		7,8		Tài	
22	000821	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	16		7,8		Thành	
23	000822	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	16		8,2		Thư	
24	000823	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	16		8,5		Trang	
25	000824	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	16		8,0		Tuấn	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
26	000825	1201040045	Phạm Anh	Vũ	27/06/2006	CT12A	16		7,8		Vũ	
27	000826	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	16		8,7		Hà	
28	000827	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	16		8,7		Thanh Hằng	
29	000828	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	16		8,5		Giang	
30	000829	0810211789	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	18/07/2002	KD8D	16		8,5		Huệ	
31	000830	0810211790	Nguyễn Văn	Minh	12/09/2002	KD8D	16		8,7		Minh	
32	000831	0810211788	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/04/2002	KD8D	16		8,7		Thảo	
33	000832	0901011003	Nguyễn Thu	Trang	30/09/2002	NH9A	16		8,7		Trang	HP Đã nộp
34	000833	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	16		8,3		Hiệp	HP Đã nộp
35	000834	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	16		8,5		Kiên	
36	000835	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	16		8,0		Thanh	HP Đã nộp
37	000836	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	16		8,5		Đức	HP Đã nộp
38	000837	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	16		8,0		Quân	HP Đã nộp
39	000838	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	16		8,5		Hùng	

Tổng số sinh viên dự thi:.....3.9

Tổng số tờ giấy thi:.....3.9

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 14 tháng 5 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Nhài Nguyễn Thị Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000839	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	17		9,0		An	HP Đã nộp
2	000840	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	17		8,8		Anh	
3	000841	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	17		8,5		Anh	
4	000842	1201061522	Trịnh Thị Yên	Chi	11/02/2006	KA12A	17		8,6		Chi	
5	000843	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	17		8,2		Dũng	HP Đã nộp
6	000844	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	17					ĐK
7	000845	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	17		8,6		Duyên	
8	000846	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	17		8,5		Giang	
9	000847	1201061524	Vũ Thu	Hà	01/05/2006	KA12A	17					ĐK
10	000848	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	17		8,8		Hoa	
11	000849	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	17		8,0		Hoàng	
12	000850	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	17		8,9		Hoàng	Huy
13	000851	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	17		7,9		Huy	
14	000852	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	17		8,8		Linh	
15	000853	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	17		8,6		Ly	
16	000854	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	17		7,5		Minh	ĐK
17	000855	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	17		8,2		Nga	
18	000856	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	17		8,2		Nga	
19	000857	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	17		8,9		Ngọc	
20	000858	1201060519	Lêng Thái	Nguyễn	25/10/2006	KA12A	17		8,8		Nguyễn	
21	000859	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	17		9,2		Nhật	HP Đã nộp
22	000860	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	17		8,5		Quỳnh	
23	000861	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	17		7,0		Tâm	
24	000862	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	17		8,8		Thảo	
25	000863	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	17		8,0		Thảo	
26	000864	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	17		8,5		Thư	Đã nộp
27	000865	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	17		8,0		Toàn	HP Đã nộp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000866	1201060425	Đỗ Thị Quỳnh	Trâm	28/12/2006	KA12A	17					HP.ĐK
29	000867	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	17		8,5		Trang	
30	000868	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	17		8,8		Trung	
31	000869	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	17		8,3		Tú	HP đã nộp
32	000870	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	17		8,7		Vũ Duy	
33	000871	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	17					ĐK
34	000872	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	17		8,2		Anh	HP đã nộp
35	000873	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	17		8,0		Anh	
36	000874	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	17		6,0		Anh	
37	000875	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	17		6,5		Anh	
38	000876	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	17		7,9		Đoàn	
39	000877	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	17		8,4		Đức	
40	000878	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	17		9,2		Dung	
41	000879	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	17		7,5		Dũng	
42	000880	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	17		6,0		Linh	
43	000881	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	17		6,5		Mai	HP đã nộp
44	000882	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	17		8,2		Minh	
45	000883	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	KC12A	17		7,5		Minh	
46	000884	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KC12A	17		9,2		Ngọc	
47	000885	1201020338	Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KC12A	17		8,7		Nhi	
48	000886	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	17		8,2		Tâm	
49	000887	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	17		8,4		Thu	
50	000888	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	17		7,0		Vi	

Tổng số sinh viên dự thi:.....46

Tổng số tờ giấy thi:.....46

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Thay
Vũ Thị Thắng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000889	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	18		8,0		Thúy	
2	000890	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	18		8,5		Ngọc	
3	000891	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	18		8,3		Trang	
4	000892	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	18		8,3		Trang	
5	000893	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	18		8,3		Anh	HP (Đã nộp)
6	000894	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	18		8,3		Hiếu	
7	000895	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	18		8,5		Hồng	
8	000896	0810210103	Nông Đức	Mạnh	13/09/2002	KD9C	18		8,5		Mạnh	
9	000897	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	18		9,0		T. Anh	
10	000898	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	18		9,0		Anh	
11	000899	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	18		7,5		Hiền	HP (Đã nộp)
12	000900	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	18		7,5		Hiền	HP (Đã nộp)
13	000901	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	18		7,5		Hiếu	
14	000902	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	18		7,5		Huế	
15	000903	1201070642	Đinh Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	18		7,0		Huy	
16	000904	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	18		8,0		Ngọc	
17	000905	1201070661	Thiều Quý	Phúc	02/04/2005	KL12A	18		7,5		Phúc	HP (Đã nộp)
18	000906	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	18		8,0		Trang	
19	000907	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	18		8,0		Yến	
20	000908	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	18		8,3		Anh	
21	000909	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	18		8,3		Chiên	
22	000910	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	18		8,0		Cường	
23	000911	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	18		8,3		Hà	
24	000912	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	18		8,5		Lan	
25	000913	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	18		8,3		Linh	
26	000914	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	18		8,3		Linh	
27	000915	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	18		8,5		Nhung	
28	000916	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	18		8,3		Phương	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000917	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	18		8,0		Lôn	
30	000918	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	18		8,5		Thạch	HP (Đã nộp)
31	000919	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	18		8,5		Thảo	
32	000920	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	18		8,5		Trà	
33	000921	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	QL12A	18		8,5		Trang	
34	000922	1201070682	Đinh Vũ Việt	Trình	01/10/2006	QL12A	18		8,5		Trình	
35	000923	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	18		8,0		Việt	
36	000924	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	18		8,0		Vinh	
37	000925	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	18		8,5		Vy	
38	000926	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	18		8,0		Duy	HP (Đã nộp)
39	000927	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	18		7,5		Yến	

Tổng số sinh viên dự thi:.....39.

Tổng số tờ giấy thi:.....39

Tổng số biên bản:.....0.

Ngày11 tháng 05 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ Tâm Tài Nguyễn T. Thu Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000928	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	19		8,5		An	
2	000929	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	19		7,5		Anh	
3	000930	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	19		8,0		Anh	
4	000931	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	19		8,0		Anh	
5	000932	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	19		8,0		Anh	
6	000933	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	19					HP, DK
7	000934	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	19		8,0		Đức	HP Đức HP
8	000935	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	19		7,5		Đức	
9	000936	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	19		8,5		Đức	
10	000937	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	19		8,0		Đức	HP Đức HP
11	000938	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	19		8,0		Dương	
12	000939	1201080555	Phạm Quang	Dương	24/12/2006	TM12A	19					HP, DK
13	000940	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	19		8,0		Duyên	
14	000941	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	19		8,0		Duyên	
15	000942	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	19		8,0		Giang	
16	000943	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	19		8,0		Huệ	
17	000944	1201080565	Lê Thế	Hung	21/08/2006	TM12A	19		8,0		Hung	HP Hung HP
18	000945	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	19		8,5		Linh	
19	000946	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	19		8,0		Linh	
20	000947	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	19		8,0		Linh	
21	000948	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	19		8,5		Linh	
22	000949	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	19		8,0		Long	
23	000950	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	19		8,3		Mai	
24	000951	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	19		8,8		Mai	
25	000952	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	19		8,0		Mạnh	
26	000953	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	19		8,8		Mạnh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
27	000954	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	19		8,3		Minh	
28	000955	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	19		8,5		My	
29	000956	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	19		8,8		AT	
30	000957	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	19		8,5		Ngọc	
31	000958	1201080589	Lê Yến	Nhi	06/11/2006	TM12A	19					HP,ĐK
32	000959	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	19		8,3		Như	
33	000960	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	19		8,8		Nhung	
34	000961	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	19		8,5		Oanh	
35	000962	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	TM12A	19		8,0		Phuc	
36	000963	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	19		8,0		Tài	HP Đang
37	000964	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	19		8,3		Thảo	
38	000965	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	19		8,5		Thảo	HP Đang
39	000966	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	19		8,5		Thảo	
40	000967	1201081799	Dương Đình	Thị	14/06/2004	TM12A	19					HP,ĐK
41	000968	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	19		8,5		Thương	
42	000969	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	19		8,5		Thúy	
43	000970	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	19		7,5		Thuy	
44	000971	1201080609	Nguyễn Bích	Thủy	04/04/2005	TM12A	19		8,0		Thủy	
45	000972	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	19		8,0		Trang	
46	000973	1201080615	Nguyễn Thị Phươn	Uyên	15/12/2006	TM12A	19		8,0		Uyên	
47	000974	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	19		8,3		Yến	
48	000975	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	19		8,0		Yến	

Tổng số sinh viên dự thi:.....~~44~~ **44**

Tổng số tờ giấy thi:.....~~44~~ **44**

Tổng số biên bản:.....~~0~~ **0**

Ngày ~~11~~ tháng ~~05~~ Năm ~~2025~~ **2025**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Linh Chi
Nguyễn Thu' Ngọc'